

Mã đề: 102

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam của nhà xuất bản Giáo dục
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

Họ, tên thí sinh:..... SBD:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết các trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành điện tử?

- A. Cà Mau, Cần Thơ. B. Thủ Dầu Một, Biên Hòa.
C. Vũng Tàu, Phan Thiết. D. Nha Trang, Quy Nhơn.

Câu 42: Điện là sản phẩm của ngành công nghiệp

- A. luyện kim B. năng lượng. C. hóa chất. D. cơ khí.

Câu 43: Ngành công nghiệp của nước ta hiện nay

- A. thay đổi tích cực. B. còn kém đa dạng.
C. tăng trưởng rất chậm. D. phân bố đồng đều.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cửa khẩu quốc tế nào sau đây thuộc tỉnh Thừa Thiên - Huế?

- A. Lao Bảo. B. Cầu Treo. C. A Đớt. D. Cha Lo.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trong các trạm khí tượng sau đây, trạm nào có nhiệt độ tháng 1 thấp nhất?

- A. Huế. B. Thanh Hóa.
C. Thành phố Hồ Chí Minh. D. Lạng Sơn.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 26 và 14 gặp nhau ở địa điểm nào sau đây?

- A. Gia Nghĩa. B. Đà Lạt. C. Buôn Ma Thuột. D. Đắk Mil.

Câu 47: Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ MA-LAI-XI-A

(Đơn vị: Triệu USD)

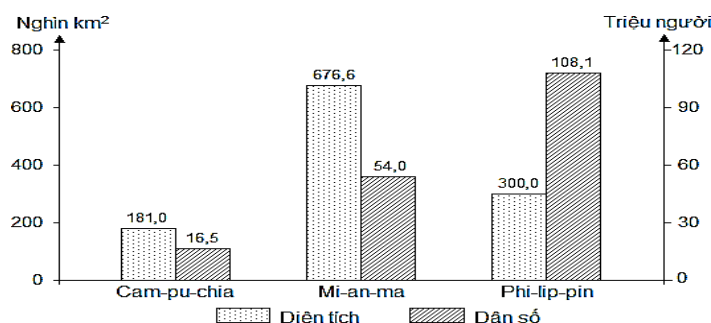
Năm	2015	2017	2019	2020
In-đô-nê-xi-a	854 953,1	1 014 090,4	1 121 139,1	1 059 146,1
Ma-lai-xi-a	298 716,0	321 384,1	364 616,1	337 286,9

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2021, <https://www.aseanstats.org>)

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với GDP năm 2020 so với năm 2015 của In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a?

- A. In-đô-nê-xi-a tăng chậm hơn Ma-lai-xi-a. B. Ma-lai-xi-a tăng gấp đôi In-đô-nê-xi-a.
C. In-đô-nê-xi-a tăng ít hơn Ma-lai-xi-a. D. Ma-lai-xi-a tăng chậm hơn In-đô-nê-xi-a.

Câu 48: Cho biểu đồ: DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh diện tích và dân số của một số quốc gia năm 2019?

- A. Dân số Mi-an-ma lớn hơn Phi-lip-pin. B. Diện tích Mi-an-ma lớn hơn Phi-lip-pin
C. Dân số Mi-an-ma nhỏ hơn Cam-pu-chia. D. Diện tích Cam-pu-chia lớn hơn Mi-an-ma.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết trạm thủy văn Cần Thơ nằm ở lưu vực hệ thống sông nào sau đây?

- A. Sông Mã. B. Sông Cửu Long. C. Sông Thu Bồn. D. Sông Đồng Nai.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây có du lịch biển?

- A. Vũng Tàu. B. Cần Thơ. C. Đà Lạt. D. Hà Nội.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây không thuộc Trung du miền núi Bắc Bộ?

- A. Bắc Ninh. B. Thái Nguyên. C. Việt Trì. D. Hạ Long.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm nào sau đây thuộc loại lớn?

- A. Biên Hòa. B. Thành phố Hồ Chí Minh.
C. Hà Nội. D. Vũng Tàu.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng, cho biết địa điểm nào sau đây có nước khoáng?

- A. Đông Triều. B. Tiên Yên. C. Hạ Long. D. Quang Hanh

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc Đông Nam Bộ?

- A. Hà Tiên. B. Đồng Tháp. C. Mộc Bài. D. An Giang.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Hà Tĩnh?

- A. Sầm Sơn. B. Cửa Lò. C. Hồng Lĩnh. D. Đồng Hới.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết hồ nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Hồ Đơn Dương. B. Hồ Sông Hinh. C. Hồ Yaly. D. Hồ Lắk.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết Biển Đông tiếp giáp với bao nhiêu quốc gia?

- A. 7. B. 6. C. 9 D. 8.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết dãy núi nào sau đây thuộc cánh cung Ngân Sơn?

- A. Tây Côn Lĩnh. B. Tam Đảo. C. Pu Tha Ca. D. Phia Uất.

Câu 59: Biện pháp cần thực hiện để phát triển nông nghiệp theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là

- A. xây dựng các công trình thủy lợi. B. phát triển nguồn điện và mạng lưới điện.
C. mở rộng quan hệ đầu tư với nước ngoài. D. hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông vận tải.

Câu 60: Biện pháp cải tạo đất hoang, đồi núi trọc ở nước ta là

- A. làm ruộng bậc thang. B. đẩy mạnh thâm canh.
C. tiến hành tăng vụ. D. áp dụng các biện pháp nông - lâm kết hợp.

Câu 61: Quá trình đô thị hoá ở nước ta hiện nay

- A. không gây ra các ảnh hưởng tiêu cực. B. đang có những chuyển biến khá tích cực.
C. chỉ diễn ra ở các vùng kinh tế động lực. D. không làm thay đổi lối sống của dân cư.

Câu 62: Ngành viễn thông nước ta hiện nay

- A. thiết bị cũ kỹ lạc hậu, quy trình thủ công. B. cơ giới hóa, tự động hóa, phân bố hợp lí.
C. tính phục vụ cao, mạng lưới rộng khắp. D. tương đối đa dạng, không ngừng phát triển

Câu 63: Khó khăn lớn nhất trong việc sử dụng đất của miền tự nhiên Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

- A. tình trạng rửa trôi đất đai diễn ra mạnh. B. thường xuyên chịu ảnh hưởng của lũ lụt.
C. bị chia cắt mạnh bởi hệ thống sông ngòi. D. thiếu nước nghiêm trọng vào mùa khô.

Câu 64: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn nhất trong các tỉnh sau đây?

- A. Đắk Lắk. B. Bình Định. C. Phú Yên. D. Gia lai.

Câu 65: Cơ cấu kinh tế nông thôn ven biển Bắc Trung Bộ đang có sự thay đổi rõ nét chủ yếu là do

- A. hình thành vùng trồng lúa thâm canh có năng suất cao.
B. đẩy mạnh đánh bắt xa bờ và nâng cấp cơ sở chế biến.
C. thu hút vốn đầu tư nước ngoài, nâng cấp cơ sở hạ tầng.
D. phát triển việc nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước mặn.

Câu 66: Mục đích chủ yếu của việc tăng cường áp dụng khoa học - kĩ thuật và giống mới trong sản xuất nông nghiệp nước ta là

- A. nâng cao hiệu quả kinh tế, xã hội. B. phát huy lợi thế về đất đai, khí hậu.
C. đẩy mạnh sản xuất theo hướng hàng hóa. D. tạo ra nhiều sản phẩm xuất khẩu chủ lực.

Câu 67: Vị trí của nước ta

- A. nằm ở khu vực chịu hưởng mạnh của các hoạt động địa chất.
B. nằm ở ven bờ phía đông của biển Đông, giáp với nhiều nước.
C. nằm hoàn toàn trong vành đai nội chí tuyến của bán cầu Bắc.
D. nằm ở trung tâm bán đảo Đông Dương, khu vực Đông Nam Á.

Câu 68: Rét hại ít xảy ra ở khu vực nào sau đây?

- A. Tây Bắc Bộ B. ven biển Bắc Trung Bộ.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Đông Bắc Bộ.

Câu 69: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH RỪNG VÀ TỈ LỆ CHE PHỦ RỪNG CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2008 - 2021

Năm	2008	2012	2018	2021
Tổng diện tích (Nghìn ha)	13 118,8	13 862,0	14 491,3	14 745,2
Rừng tự nhiên (Nghìn ha)	10 348,6	10 423,8	10 255,5	10 171,7
Tỉ lệ che phủ rừng (%)	38,7	40,7	41,7	42,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích rừng và tỉ lệ che phủ rừng của nước ta giai đoạn 2008 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Kết hợp. B. Miền. C. Tròn. D. Đường.

Câu 70: Mục đích chính của việc hình thành các khu kinh tế ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. góp phần giải quyết vấn đề việc làm. B. cung cấp các sản phẩm cho xuất khẩu.
C. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế D. thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

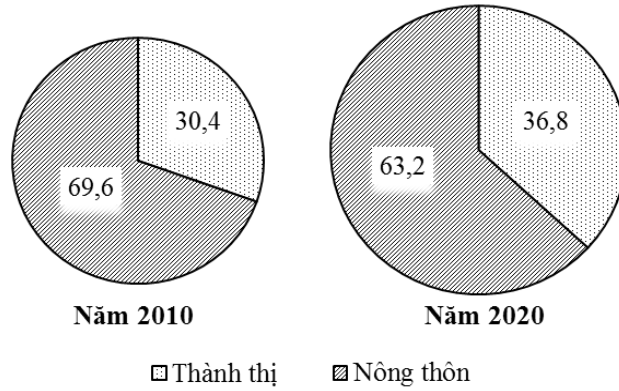
Câu 71: Ngành chăn nuôi lợn ở nước ta tập trung ở những vùng

- A. trọng điểm lương thực, đông dân. B. ven biển có nghề cá phát triển.
C. chuyên canh cây công nghiệp. D. có điều kiện khí hậu luôn ổn định.

Câu 72: Lao động nông thôn nước ta hiện nay

- A. rất đông, có tỉ lệ thất nghiệp rất lớn. B. thiếu việc làm cao, tỉ lệ đang giảm.
C. có qui mô đông và tỉ lệ đang tăng. D. có ít kinh nghiệm trong nông nghiệp.

Câu 73: Cho biểu đồ về dân số phân theo thành thị và nông thôn nước ta năm 2010 và 2020 (Đơn vị: %):



(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô dân số phân theo thành thị và nông thôn nước ta.
- B. Sự chuyển dịch cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn.
- C. Quy mô và cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn.
- D. Tốc độ tăng trưởng dân số phân theo thành thị và nông thôn.

Câu 74: Giải pháp nào sau đây là quan trọng nhất để nâng cao giá trị sản xuất của cây công nghiệp ở Tây Nguyên?

- A. Đẩy mạnh chế biến sản phẩm.
- B. Đa dạng hóa cơ cấu cây trồng.
- C. Mở rộng thêm diện tích trồng trọt.
- D. Quy hoạch các vùng chuyên canh.

Câu 75: Sản xuất nông sản hàng hóa ở Trung du miền núi Bắc Bộ còn gặp khó khăn chủ yếu do

- A. thiếu nguồn nước tưới, nhất là vào mùa khô.
- B. thiếu cơ sở chế biến nông sản quy mô lớn.
- C. thiếu quy hoạch, chưa mở rộng thị trường.
- D. thời tiết, khí hậu hay diễn biến thất thường.

Câu 76: Yếu tố nào sau đây là chủ yếu làm cho kim ngạch nhập khẩu của nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây?

- A. Nhiều thành phần kinh tế tham gia hoạt động ngoại thương.
- B. Việc hợp tác kinh tế, kỹ thuật với các nước được tăng cường.
- C. Quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa được đẩy mạnh.
- D. Đời sống dân cư nâng cao hướng vào dùng hàng nhập ngoại.

Câu 77: Tài nguyên sinh vật biển của nước ta

- A. phong phú, giàu có về thành phần loài.
- B. phân bố chủ yếu ở các đảo ngoài khơi.
- C. chỉ phân bố ở các cửa sông, ven biển.
- D. tập trung chủ yếu ở vùng biển ven bờ.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. tạo ra hàng xuất khẩu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành.
- B. giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, đa dạng sản phẩm.
- C. giải quyết tốt vấn đề việc làm, đẩy mạnh sản xuất hàng hoá.
- D. nâng cao hiệu quả kinh tế, khai thác tốt thế mạnh tự nhiên.

Câu 79: Phương hướng chính để khai thác kinh tế biển ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. đầu tư đội tàu công suất lớn để đánh bắt thủy sản xa bờ.
- B. tạo thế kinh tế liên hoàn (mặt biển-đảo-quần đảo-đất liền).
- C. xây dựng các cảng biển nước sâu, đầu tư cơ sở hạ tầng.
- D. đầu tư phát triển du lịch biển đảo, đẩy mạnh quảng bá.

Câu 80: Cơ cấu ngành công nghiệp đang chuyển dịch theo hướng

- A. giảm tỉ trọng chế biến, sản phẩm chất lượng cao.
- B. tăng tỉ trọng khai thác, sản phẩm chất lượng thấp.
- C. đa dạng hóa sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh.
- D. chuyên môn hóa sản phẩm, cạnh tranh được về giá.

----- HẾT -----